TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 164/2019/HCPT
Ngày: 23/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Phùng Hải Hiệp.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 09/2019/TLPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2019, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7078/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

**** Người khởi kiện:*** **Ông Tô Minh T**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh N; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trương Xuân H - Văn phòng luật sư Gia Bảo thuộc Đoàn luật sư thành phố N; có mặt.

**** Người bị kiện:*** **Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh N**;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Châu Thành H - Phó Chủ tịch; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Anh Nguyễn Nguyễn Thanh S, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn 12, xã Hạ Long, huyện Đ, tỉnh N; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND K, huyện Đ, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tú D - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T - Phó Chủ tịch; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hà Thị Y, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh N; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị Y: Ông Đinh Văn V, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn H, xã X, huyện Đ, tỉnh N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 15/12/2015, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 6083/QĐ-UBND thu hồi của gia đình ông Tô Minh T 32.056m^2 đất tại thôn Tràng Hương, xã K, huyện Đ, tỉnh N để giải phóng mặt bằng Dự án tái định cư khu hành chính và hạ tầng xã hội phục vụ dự án Cảng hàng không tỉnh N. Cùng ngày 15/12/2015, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 6086/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông T. Theo đó, gia đình ông T được bồi thường hỗ trợ toàn bộ 32.056,3m^2 đất theo giá đất rừng sản xuất (5000đồng/m^2) bồi thường 100% giá trị nhà ở, công trình kiến trúc trên đất, cây hoa màu.

Theo ông Tô Minh T, UBND huyện Đ bồi thường hỗ trợ toàn bộ 32.056,3m^2 đất theo giá đất rừng sản xuất là không đúng. Ông T đã có đơn khiếu nại yêu cầu UBND huyện Đ xem xét lại việc bồi thường hỗ trợ vì trong tổng số 03ha theo sổ giao đất giao rừng năm 2004 có 0,8ha thuộc lô 17a, 13 tiểu khu 195 là đất trồng cây ăn quả lâu năm nên gia đình ông phải được bồi thường hỗ trợ là đất trồng cây lâu năm đối với phần diện tích 0,8ha này. Ngày 26/02/2016, Chủ tịch UBND huyện Đ đã tổ chức đối thoại đến ngày 21/12/2017, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 834 không chấp nhận đơn khiếu nại của ông T.

Ông T cho rằng Chủ tịch UBND huyện Đ không chấp nhận nội dung khiếu nại về việc được yêu cầu bồi thường hỗ trợ 0,8ha là đất trồng cây lâu năm với lý do nêu trên là không đúng, vì 0,8ha trong tổng số 03ha đất ông T nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn V có nguồn gốc là đất lâm nghiệp do UBND huyện P giao cho ông Hoàng Mạnh C năm 1992 là đúng. Nguồn gốc là đất lâm nghiệp nhưng bà Hà Thị T đã chuyển 0,8ha sang trồng cây ăn quả từ năm 1999. Trong hồ sơ giao đất giao rừng đã ghi rõ vườn quả (vải, nhãn) 0,8ha trồng năm 1999. Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật đất đai năm 1993 thì Nhà nước có chính sách khuyến khích bảo vệ lợi ích của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thâm canh tăng sản lượng cây trồng trên đất vườn, sử dụng đất trống đồi núi trọc để lập vườn theo quy hoạch. Khoản 2 Điều 46 Luật đất đai năm 1993 quy định việc lập vườn trên đất lúa mới phải xin phép và được phép của UBND huyện. Như vậy, tại thời điểm này bà Hà Thị T chuyển mục đích sử dụng từ đất lâm

nghiệp sang đất trồng cây ăn quả lâu năm không phải xin phép UBND cấp huyện. Thực tế bà Hà Thị T đã chuyển sang trồng cây ăn quả lâu năm từ năm 1999 nhưng năm 2004 quyết định giao đất giao rừng vẫn ghi là đất trồng rừng với diện tích 03ha là do UBND huyện Đ không kịp thời cập nhật biến động.

Vì vậy, ông Tô Minh T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh N huỷ Quyết định số 834/QĐ-CT ngày 21/2/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ, trên cơ sở đó xem xét buộc UBND huyện Đ giải quyết bồi thường, hỗ trợ 0,8ha cho gia đình ông T theo giá đất trồng cây lâu năm.

Tại Văn bản số 634/UBND ngày 19/4/2018 và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày: Hộ gia đình ông Tô Minh T có thửa đất số 6 tờ bản đồ GPMB số 01, thửa số 1 tờ bản đồ GPMB số 5A thuộc Dự án tái định cư tuyến đường giao thông trục chính nối các khu chức năng chính khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh N hạng mục: Khu hạ tầng kỹ thuật và các thửa số 8 tờ bản đồ GPMB số 5, thửa số 2 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 6 thuộc Dự án khu tái định cư, khu hành chính và hạ tầng xã hội phục vụ giải phóng mặt bằng Cảng hàng không tỉnh N. Các thửa đất trên đều có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng đất lâm nghiệp được UBND huyện giao cho bà Hà Thị T , trú tại thôn H, xã X, cụ thể:

Ngày 20/5/1992, UBNĐ huyện Cẩm Phả (nay là huyện Đ) có Quyết định số 103/QĐ-UB "về việc giao cho ông Hoàng Mạnh C 66ha rừng thuộc tiểu khu 18, xã K".

Ngày 20/01/1999, ông Hoàng Mạnh C có đơn chuyển nhượng cho ông Đinh Văn V và bà Hà Thị T 3,0ha đất Lâm nghiệp thuộc lô C1, khoảnh 23, tiểu khu 18, xã K, huyện Đ. Căn cứ đơn chuyển nhượng, ngày 14/6/2004, UBND huyện Đ có Quyết định số 342/QĐ-UB "về việc giao cho bà Hà Thị T , trú tại thôn H, xã X, huyện Đ 3,0ha đất lâm nghiệp (trong đó diện tích đất trồng rừng là 3,0ha). Sau khi nhận đất lâm nghiệp của ông Hoàng Mạnh C , bà Hà Thị T (vợ ông Đinh Văn V) đã tiến hành trồng cây lâu năm.

Ngày 16/6/2008 ông Đinh Văn V có đơn chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông Tô Minh T (chuyển nhượng sổ giao đất, giao rừng số 16/2004 thuộc tiểu khu 195, lô 17, khoảng 23). Theo đơn trình bày: năm 2004 ông V và ông T có đầu tư vốn để trồng rừng, loại cây trồng là cây ăn quả và cây keo.

Căn cứ Nghị định số 163/1999/NĐ-CP "về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp", tại Điều 15 Sản xuất lâm - nông nghiệp kết hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 7; khoản 2 Điều 8 và Điều 9 của Nghị định được sử dụng diện tích đất chưa có rừng để trồng cây nông nghiệp lâu năm có tác dụng phòng

hộ môi trường bền vững hoặc xây dựng các công trình du lịch cảnh quan dưới tán rừng theo từng dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Ông Tô Minh T là người nhận chuyển nhượng lại của ông Đinh Văn V (chồng bà Hà Thị T) toàn bộ diện tích thửa đất theo Quyết định số 342/QĐ-UB ngày 14/6/2004 của UBND huyện nên loại đất ông T nhận chuyển nhượng cũng là đất lâm nghiệp.

Căn cứ tại khoản 3, Điều 11 Luật đất đai năm 2013, UBND huyện Đ đã thu hồi đất và lập phương án bồi thường cho hộ gia đình ông Tô Minh T là đất lâm nghiệp là đúng quy định. Do đó, UBND huyện Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh N không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Tô Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Tại bản xác nhận về nhà đất, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của UBND xã K, ông Lê Minh T - Phó Chủ tịch UBND xã trình bày:

Thửa đất số 08 tờ bản đồ GPMB số 5 (tương ứng với lô 17, khoảnh 13, tiểu khu 195): Diện tích trích đo thửa đất 195.3m^2. Diện tích đã thu hồi đường Khe Ngái - Tràng Hương là 12.9m^2 (năm 2007). Diện tích đất bị thu hồi để phục vụ dự án là 182.4m^2. Diện tích còn lại 0m^2. Về nguồn gốc thửa đất: Được UBND huyện Đ giao đất giao rừng tại Quyết định số 342 ngày 14/6/2004 mang tên bà Hà Thị T (vợ ông Đinh Văn V(đã chết), vào mục đích trồng rừng. Đến năm 2008 ông Đinh Văn V chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông Tô Minh T (có giấy tờ viết tay), từ năm 2008 ông T sử dụng vào mục đích trồng rừng. Thời điểm sử dụng đất: Năm 2004; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng trồng rừng sản xuất. Không phải đất lấn chiếm, không có tranh chấp, có ranh giới rõ ràng.

Thửa đất số 02 tờ bản đồ GPMB số 6 (tương ứng với lô 17, khoảnh 13, tiểu khu 195): Diện tích trích đo thửa đất 7297,5m^2. Diện tích đã thu hồi đường Khe Ngái - Tràng Hương là 394.8m^2. Diện tích đất bị thu hồi để phục vụ dự án là 6902,7m^2. Diện tích còn lại 0m^2. Về nguồn gốc thửa đất, được UBND huyện Đ giao đất giao rừng tại Quyết định số 342 ngày 14/6/2004 mang tên bà Hà Thị T (vợ ông Đinh Văn V- đã chết) sử dụng vào mục đích trồng rừng và trồng cây lâu năm. Đến năm 2008 ông Đinh Văn V chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất, và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông Tô Minh T (có giấy tờ viết tay). Từ năm 2008 ông T sử dụng vào mục đích trồng rừng và trồng cây lâu năm. Thời điểm sử dụng đất: Năm 2004; Không phải đất lấn chiếm, không có tranh chấp, có ranh giới rõ ràng.

Thửa đất số 01 tờ bản đồ GPMB số 5a (tương ứng với lô 17, khoảnh 13, tiểu khu 195): Diện tích trích đo thửa đất 26.878,9m^2. Diện tích đất bị thu hồi để

phục vụ dự án là 24971,2m^2. Diện tích đã thu hồi đường Khe Ngái - Tràng Hương là 39.8m^2. Diện tích thu hồi thuộc tiểu dự án 1867.9m^2. Diện tích còn lại: 0m^2. Về nguồn gốc thửa đất, được UBND huyện Đ giao đất giao rừng tại Quyết định số 342 ngày 14/6/2004 mang tên bà Hà Thị T (vợ ông Đinh Văn V- đã chết). Đến năm 2008 ông Đinh Văn V chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông Tô Minh T, từ năm 2008 gia đình ông T sử dụng vào mục đích trồng rừng trồng cây ăn quả. Diện tích chênh lệch của thửa số 2; số 8 và số 1 so với Quyết định giao đất, giao rừng số 342: tăng 4.521,6m^2. Nguyên nhân chênh lệch: Do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác, thời điểm ông Đinh Văn V chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông Tô Minh T, ranh giới thửa đất được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với các hộ sử dụng đất liền kề, diện tích chênh lệch không do lấn, chiếm. Thời điểm sử dụng đất: Năm 2004; Mục đích sử dụng đất: Theo hồ sơ giao đất giao rừng năm 2004 là: Đất trồng rừng sản xuất, Đất trồng cây ăn quả (Hiện trạng trồng cây ăn quả). Thời điểm xây dựng các công trình nằm trong ranh giới GPMB: Các công trình kiến trúc xây dụng trên thửa số 01 tờ bản đồ GPMB số 5a, do gia đình ông Tô Minh T xây dựng từ năm 2000, thời điểm xây dựng không bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; Không phải đất lấn chiếm, không có tranh chấp, có ranh giới rõ ràng.

Sổ địa chính và sổ mục kê của UBND xã K chỉ có từ năm 1995 trở lại đây, từ năm 1994 trở về trước không có, chủ yếu sử dụng bản đồ giải thửa năm 1995 không dấu và được can lại từ bản đồ giải thửa năm 1984. UBND xã K vẫn dùng bản đồ giải thửa này làm tài liệu tham khảo đế quản lý đất đai tại địa phương và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân tại địa phương từ trước đến nay sổ địa chính UBND xã K đang lưu giữ được theo dõi từ năm 1995, năm 2013 UBND xã K mới có bản đồ địa chính, UBND xã K có các số ghi địa chính lập năm 1995, sổ mục kê lập năm 2012, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập năm 1995 ngoài ra UBND xã K không còn sổ sách nào khác.

Trong quá trình GPMB Dự án khu tái định cư, khu hành chính và hạ tầng xã hội phục vụ dự án giải phóng mặt bằng Cảng hàng không Quảng Ninh UBND xã K lập Bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất cho các đối tượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chuyển 01 bản chính cho Trung tâm phát triển quỹ đất để lập phương án, UBND xã K không chuyển trực tiếp cho các hộ gia đình cá nhân mà Trung tâm phát triển quỹ đất giao cho hộ gia đình kèm theo phương án dự thảo và phương án chính thức.

UBND xã K chỉ ban hành một bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất. Tuy nhiên có sự khác nhau giữa các bản chứng nhận vì sau khi ban hành để Trung tâm phát triển qũy đất lập phương án dự thảo, trên cơ sở đó tổ công tác xác định loại đất của UBND huyện Đ đi xác định loại đất và hội đồng thẩm định

phương án của UBND huyện Đ yêu cầu điều chỉnh nên có sự khác nhau giữa các bản chứng nhận.

- *Quan điểm của bà Hà Thị Y*, trú tại thôn Tràng Hương, huyện Đ, tỉnh N: Nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện và các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Tô Minh T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N, quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Minh T; giữ nguyên Quyết định số số 834/QĐ-CT ngày 21/2/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2018, ông Tô Minh T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tô Minh T đề nghị Tòa án huỷ Quyết định số 834/QĐ-CT ngày 21/2/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ, trên cơ sở đó xem xét buộc UBND huyện Đ giải quyết bồi thường, hỗ trợ 0,8ha cho gia đình ông T theo giá đất trồng cây lâu năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung: Ông Tô Minh T nhận chuyển nhượng đất năm 2008 thì theo Luật đất đai năm 2003, đất rừng trồng sản xuất thuộc trường hợp khi chuyển đổi mục đích không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhưng phải đăng ký với văn phòng của tổ chức có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất hoặc UBND xã nơi có đất. Mặt khác, theo qui định của Luật bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng toàn bộ hoặc một phần khu rừng thuộc Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Như vậy, cho đến thời điểm UBND huyện Đ thu hồi, cả bà Tình và ông T đều chưa thực hiện việc đăng ký kê khai việc chuyển mục đích sử dụng 0,8ha đất trồng rừng thành đất trồng cây lâu năm với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất hoặc UBND xã K. Tại sổ mục kê, sổ theo dõi và bản đồ địa chính của xã K vẫn thể hiện là đất trồng rừng nên toàn bộ diện tích trên vẫn là đất lâm nghiệp. UBND huyện Đ quyết định phương án bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông T theo giá đất lâm nghiệp là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định số 843/QĐ-CT ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Minh T. Đơn khởi kiện nằm trong thời hạn luật định; tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 843/QĐ-CT:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định: Thực hiện kế hoạch thu hồi đất, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án cảng hàng không Quảng Ninh, UBND huyện Đ ban hành Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ toàn bộ 32.056,3m^2 đất cho gia đình ông Tô Minh T theo giá đất rừng sản xuất (giá 5000đồng/m^2).

Căn cứ Luật khiếu nại, tố cáo năm 2011, việc Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 843/QĐ-TC là đúng thẩm quyền, về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, vụ việc đã được Thanh tra huyện Đ xác minh, tổ chức đối thoại. Trên cơ sở kết quả xác minh, Chủ tịch UBND huyện Đ ra Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục theo qui định.

[2.2] Nội dung Quyết định 834/QĐ-CT về việc giải quyết yêu cầu khiếu nại của ông Tô Minh T:

Xét nguồn gốc thửa đất số 6 tờ bản đồ GPMB số 01, thửa số 1 tờ bản đồ GPMB số 5A thuộc Dự án tái định cư tuyến đường giao thông trục chính nối các khu chức năng chính khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh N hạng mục: khu hạ tầng kỹ thuật và các thửa số 8 tờ bản đồ GPMB số 5, thửa số 2 tờ bản đồ GPMB số 6 thuộc Dự án khu tái định cư, khu hành chính và hạ tầng xã hội phục vụ giải phóng mặt bằng Cảng hàng không tỉnh N của hộ gia đình ông Tô Minh T đều có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng đất lâm nghiệp được UBND huyện Cẩm Phả (nay là huyện Đ) giao cho ông Hoàng Mạnh C . Cụ thể: ngày 20/5/1992, UBND huyện Cẩm Phả (nay là huyện Đ) có Quyết định số 103/QĐ-UB "về việc giao cho ông Hoàng Mạnh C 66ha rừng thuộc tiểu khu 18, xã K". Ngày 20/01/1999, ông Hoàng Mạnh C chuyển nhượng cho ông Đinh Văn V và bà Hà Thị T 3,0ha đất lâm nghiệp tại lô C1, khoảnh 23 tiểu khu 18 xã K, huyện Đ, tỉnh N.

Căn cứ đơn nhận đất, nhận rừng của bà Hà Thị T , ngày 14/6/2004, UBND huyện Đ có Quyết định số 342/QĐ-UB về việc giao cho bà Hà Thị T 3,0ha đất lâm nghiệp. Tại Quyết định 342/QĐ-UB ngày 14/6/2004 đã thể hiện rõ: bà Hà Thị T được cấp với tổng diện tích đất lâm nghiệp là 3,0ha, gồm các loại rừng và đất rừng là Rừng trồng 3ha, trữ lượng 0ha; đất để trồng rừng: 0ha

(bút lục số 56) và theo biên bản giao nhận vốn rừng ngày 14/6/2004 giữa Đoàn giao rừng của UBND huyện Đ và bà Hà Thị T cũng đã xác định vốn rừng tại thực địa có: rừng trồng trữ lượng 3,0ha; trong đó bạch đàn + cây ăn quả là 3,0ha, cấp tuổi 1 (bút lục số 62).

Xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của ông Lê Minh T - Phó chủ tịch UBND xã K tại phiên tòa thì công tác quản lý đất đai tại địa phương và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân tại địa phương từ năm 1995 trở lại đây do UBND xã K dựa trên sổ địa chính và sổ mục kê. Từ năm 1994 trở về trước do không có sổ địa chính và sổ mục kê nên UBND xã K chủ yếu sử dụng bản đồ giải thửa năm 1995 không dấu được sao chụp lại từ bản đồ giải thửa năm 1984 để làm tài liệu tham khảo. Đến năm 2013, UBND xã K mới có bản đồ địa chính.

Tuy nhiên, căn cứ vào bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất ngày 15/4/2015 của UBND xã K (bút lục số 48) và lời khai của ông Lê Minh T - Phó chủ tịch UBND xã K đã xác nhận các thửa đất số 08 tờ bản đồ GPMB số 5 (Tương ứng với lô 17, khoảnh 13, tiểu khu 195); Thửa đất số 02 tờ bản đồ GPMB số 6 (tương ứng với lô 17, khoảnh 13, tiểu khu 195); thửa đất số 01 tờ bản đồ GPMB số 5a (tương ứng với lô 17, khoảnh 13, tiểu khu 195) của ông T bị thu hồi thực hiện dự án đều có nguồn gốc được UBND huyện Đ giao đất, giao rừng theo Quyết định số 342 ngày 14/6/2004 mang tên bà Hà Thị T (vợ ông Đinh Văn V- đã chết). Do đó, loại đất ông T nhận chuyển nhượng lại của ông Đinh Văn V(chồng bà Hà Thị T) theo Quyết định số 342 ngày 14/6/2004 cũng là đất lâm nghiệp. Tại đơn khởi kiện, ông Tô Minh T cũng đã thừa nhận 0,8ha trong tổng số 3,0ha đất nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn V có nguồn gốc là đất lâm nghiệp do UBND huyện Cẩm Phả giao cho ông Hoàng Mạnh C năm 1992.

Theo hồ sơ giao đất giao rừng năm 1999, bà Hà Thị T đã sử dụng 0,8ha đất tại tiểu khu 195 khoản 13 lô 17a để trồng vải + nhãn và 2,2ha đất tại tiểu khu 195 khoản 13 lô 17b để trồng cây bạch đàn (bút lục số 63). Ngày 16/6/2008, ông Đinh Văn V có đơn chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông Tô Minh T (chuyển nhượng sổ giao đất, giao rừng số 16/2004 thuộc tiểu khu 195, lô 17, khoảnh 23) của bà Hà Thị T (bút lục số 141). Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Vượng, ông T tiếp tục sử dụng trồng rừng và trồng cây ăn quả trên diện tích đất nói trên. Ông T cho rằng tại thời điểm Luật Đất đai năm 1993, Nhà nước có chính sách khuyến khích bảo vệ lợi ích của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thâm canh tăng sản lượng cây trồng trên đất vườn, sử dụng đất trống, đồi trọc để lập vườn theo quy hoạch. Điều 46 Luật Đất đai năm 1993 quy định: việc lập vườn trên đất lúa mới phải xin phép và được phép của UBND cấp huyện nên việc bà Hà Thị T sử dụng 0,8ha đất lâm nghiệp để trồng cây ăn quả là không phải xin phép UBND cấp huyện và phù hợp với chính sách khuyến khích của nhà nước tại thời điểm đó. Năm 2004, Quyết định giao đất

giao rừng vẫn ghi là đất trồng rừng với diện tích 03ha là do UBND huyện Đ không cập nhật biến động.

Căn cứ Điều 15 Nghị định số 163/1999/NĐ-CP "Về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp" quy định: Sản xuất lâm - nông nghiệp kết hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 7; khoản 2 Điều 8 và Điều 9 của Nghị định được sử dụng diện tích đất chưa có rừng để trồng cây nông nghiệp lâu năm có tác dụng phòng hộ môi trường bền vững hoặc xây dựng các công trình du lịch cảnh quan dưới tán rừng theo từng dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Mặc dù Nhà nước khuyến khích thâm canh tăng sản lượng cây trồng trên đất vườn, sử dụng đất trồng, đồi trọc để lập vườn theo quy hoạch và không quy định cụ thể việc sử dụng đất lâm nghiệp để trồng cây lâu năm cần phải xin phép và được phép của UBND cấp huyện nhưng người dân muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vẫn phải dựa theo quy hoạch chứ người dân không thể tự ý chuyển đổi được. Năm 2001, Nhà nước đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1993 đã có quy định: *"Việc quyết định cho người đang sử dụng đất chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất làm muối, đất ở, đất chuyên dùng sang mục đích khác phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt"*. Như vậy, Nhà nước vẫn tạo điều kiện khuyến khích cho bà Hà Thị T được sử dụng diện tích đất chưa có rừng để trồng cây nông nghiệp lâu năm có tác dụng phòng hộ môi trường bền vững nhưng nếu bà Tình muốn chuyển đổi loại đất trồng rừng sang loại đất trồng cây lâu năm thì phải dựa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

Ông Tô Minh T nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh Văn V vào năm 2008 thì theo Luật đất đai năm 2003, đất rừng trồng sản xuất thuộc trường hợp khi chuyển đổi mục đích không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhưng phải đăng ký với văn phòng của tổ chức có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất (sau đây gọi chung là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất) hoặc UBND xã nơi có đất. Mặt khác, theo qui định của Luật bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng toàn bộ hoặc một phần khu rừng thuộc Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Như vậy, cho đến thời điểm UBND huyện Đ thu hồi, cả bà Tình và ông T đều chưa thực hiện việc đăng ký kê khai việc chuyển mục đích sử dụng 0,8ha đất trồng rừng thành đất trồng cây lâu năm với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất hoặc UBND xã K. Tại sổ mục kê, sổ theo dõi và bản đồ địa chính của xã K vẫn thể hiện là đất trồng rừng nên toàn bộ diện tích trên vẫn là đất lâm nghiệp. UBND huyện Đ quyết định phương án bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông T theo giá đất

lâm nghiệp là có căn cứ, Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ là đúng quy định.

Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Tô Minh T là đúng nhưng giữ nguyên Quyết định số 834/QĐ-CT ngày 21/2/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh N là không đúng. Tuy nhiên, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Do đó, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông T sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 1993 và Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Minh T về việc đề nghị huỷ Quyết định số 834/QĐ-CT ngày 21/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh N, trên cơ sở đó xem xét buộc UBND huyện Đ, tỉnh N giải quyết bồi thường, hỗ trợ 0,8 ha cho gia đình ông T theo giá đất trồng cây lâu năm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Ông Tô Minh T không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0007203 ngày 11/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA.